

Bản án số: 330/2025/HS-PT
Ngày: 12 - 5 - 2025

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;

Ông Lê Văn An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 121/2025/TLPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị Kiều N, do có kháng của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Kiều N; giới tính: Nữ; sinh ngày: 20/5/1980; tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: 5 đường số B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê Văn T (sinh năm 1946) và bà Võ Thị Kim C (sinh năm 1953); chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Tấn Đ - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Địa chỉ: Công ty L1 - Tầng B Tòa nhà T, số B H, phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/12/2023, Công ty TNHH O (Công ty O) mở tờ khai nhập khẩu số 105954669550/A11 tại Cửa khẩu sân bay quốc tế T3, số lượng 03 kiện hàng, trọng

lượng 1243 kg, hàng hóa là thực phẩm bảo vệ sức khỏe, xuất xứ Úc, 05 loại hàng hóa gồm: 86 thùng Spring leaf E 1.000 mg (dầu hoa anh thảo), 02 Thùng Spring leaf L, 05 Thùng Liquid Calcium Plus Vitamin D, 01 Thùng Garlic Oil 3000mg và 20 Thùng Inner Beauty C-In-1 (quy cách 90 viên/lọ, 48 lọ/thùng). Lô hàng được hệ thống phân luồng vàng.

Ngày 14/12/2023, tổ công tác liên ngành gồm Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an Thành phố H (PC03) và Đội thủ tục hàng hóa nhập khẩu, Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế T3 phối hợp kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng trên, xác định trong lô hàng trên có 01 kiện hàng không khai báo hải quan, gồm 21 thùng carton, NPHQ số: AA/21-363725 đến AA/21-363726, hàng hóa là 441 lọ thực phẩm bảo vệ sức khỏe Spring Leaf Inner Beauty Collagen 6-in-1 (quy cách 180 viên/1 lọ; 21 lọ/1 thùng), xuất xứ Úc, trị giá 17AUD/1 lọ nên đã lập biên bản ghi nhận sự việc.

- Kết quả điều tra xác định:

Công ty O được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, do ông Lê Quang Q là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật; thành viên góp vốn: Ông Lê Quang Q (40% vốn) và bà Lê Nguyễn Diệu T1 (60% vốn); địa chỉ trụ sở chính: 68, ngõ H, N, phường Ô, quận Đ, Thành phố Hà Nội; ngành nghề kinh doanh: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Ngày 12/12/2023, ông Lê Quang Q, ký Hợp đồng đại lý hải quan với Công ty Cổ phần I (Công ty I) địa chỉ: D Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Hữu K, Giám đốc làm đại diện pháp luật ký tên, đóng dấu trên tờ khai; nộp và xuất trình bộ hồ sơ hải quan có liên quan đến lô hàng hóa xuất, nhập khẩu; ký và đóng dấu bản sao các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu và không bao gồm việc nộp thuế nhập khẩu, các loại thuế khác có liên quan đến hàng hóa nhập khẩu.

Ông Lê Quang Q thuê Lê Thị Kiều N làm dịch vụ thủ tục nhập khẩu hàng hóa cho Công ty O, từ khoảng tháng 3/2023 đến tháng 12/2023 với mức lương 5.000.000 đồng/tháng, N được ông Q giao toàn quyền thỏa thuận mua bán, làm thủ tục nhập khẩu với Công ty K1-Dilan WHPLESALE PTY.LTD do bà Lê Nguyễn Diệu T1 làm đại diện và liên hệ với Công ty I để cung cấp các thông tin mở tờ khai nhập khẩu. Trong thời gian này, N đã thỏa thuận, trao đổi với bà T1 và nhập khẩu tổng cộng 04 lô hàng thực phẩm chức năng từ Úc về Việt Nam thông quan tại Chi cục Hải quan sân bay quốc tế N1.

Do có nhu cầu phát triển thị trường tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên ông Q yêu cầu N thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu sân bay quốc tế T3 để đưa hàng về kho của Công ty O tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vào các ngày 07, 08/12/2023, N và bà T1 thỏa thuận nhập khẩu lô hàng thực phẩm chức năng nêu trên. N yêu cầu bà T1 cung cấp các thông tin bao gồm: Trọng lượng/thùng của mỗi danh mục hàng hóa, tài liệu C1 (xuất xứ hàng hóa), tài liệu Bill (vận đơn), P (Phiếu đóng gói), hợp đồng mua bán... để thực hiện thủ tục nhập khẩu lô hàng nói trên. Quá trình làm tờ khai Packing list, Lê Thị Kiều N làm thiếu danh mục hàng hóa thứ 6 là 21 Thùng I Beauty C-In-1, quy cách 180 viên 21 lọ/thùng dẫn đến tổng khối lượng hàng trên Packing list và B khác nhau không đáp

ứng được yêu cầu thông quan. Nhưng vì để nhận tiền thưởng, N đã sửa chữa thông tin khai báo hải quan bằng cách lấy thông tin từ 04 lô hàng trước đó đã được thông quan tại Chi cục Hải quan sân bay quốc tế N1, tìm các mặt hàng trước đây chưa nhập khẩu, sau đó thay đổi trọng lượng/thùng của 02 loại hàng hóa, cụ thể: Mặt hàng Spring leaf E 1.000 mg (dầu hoa anh thảo), quy cách 180 viên/lọ, 21 lọ/thùng thay đổi trọng lượng/thùng từ 7.91kg/ thùng thành 10.2kg/ thùng; mặt hàng Inner Beauty C-In-1, quy cách 90 viên/lọ, 48 lọ/thùng từ 14.53kg/thùng thành 13.65kg/1 thùng.

Sau khi hoàn thiện thông tin khai báo hải quan xong, N liên hệ với bà Nguyễn Thị Hoàng L là nhân viên kinh doanh của Công ty I để thỏa thuận ký hợp đồng đại lý hải quan nhằm thực hiện các thủ tục nhập khẩu lô hàng trên qua Sân bay T và N cung cấp thông tin toàn bộ lô hàng cho bà L biết để làm thủ tục mở tờ khai và yêu cầu bà L thực hiện việc truyền dữ liệu, mở tờ khai gồm 5 danh mục hàng hóa, không khai báo với 01 danh mục là 21 thùng Inner Beauty C-In-1, quy cách 180 viên/lọ, 21 lọ/thùng.

Từ thông tin do N cung cấp và xác nhận, bà L gửi thông tin các nhân viên Công ty I là ông Phạm Vũ T2 điền thông tin, mở tờ khai nhập khẩu số 105954669550/A11 ngày 13/12/2023 và ông Phạm Văn C2 nộp tờ khai cho Chi cục Hải quan Sân bay T3 làm thủ tục thông quan cho lô hàng trên.

- Kết quả xác minh:

+ Xác minh tại Chi cục Thuế quận Đ, Thành phố Hà Nội, hiện tại, Công ty O có mã số thuế: 0109756475, đã không hoạt động tại địa chỉ trên; không nợ, chậm nộp thuế;

+ Xác minh tại Cục An toàn thực phẩm về hồ sơ công bố của Công ty O: Công ty có làm thủ tục công bố đối với sản phẩm I1-In-1, quy cách 180 viên/lọ, 21 lọ/thùng, đã được Cục A thực phẩm chứng nhận;

+ Xác minh tại Cục Hải quan Thành phố H: Công ty O đã nhập khẩu hàng hóa qua Sân bay N bài 04 lần. Lần gần nhất nhập khẩu mặt hàng Inner Beauty C-In-1, quy cách 180 viên/lọ, 21 lọ/thùng vào ngày 07/12/2023;

+ Thu thập hồ sơ do Cơ quan hải quan cung cấp về thủ tục bổ sung đối với lô hàng nhập khẩu thuộc tờ khai số 105954669550/A11 ngày 13/12/2023 của Công ty TNHH O: trường hợp Công ty TNHH O là hàng hóa không khai báo hải quan, do Chi cục Hải quan Cửa khẩu sân bay quốc tế T3 phối hợp với Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an Thành phố H (PC03) kiểm tra phát hiện nên không thuộc các trường hợp khai bổ sung được quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan năm 2014 và khoản 1 Điều 20 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ trưởng Bộ T4;

- Kết quả định giá tài sản: Kết luận định giá tài sản số 342/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố kết luận: 21 thùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe SpringLeaf I Beauty C-In-1, quy cách 180 viên/lọ, 21 lọ/thùng, HSD: 16/8/2026. HSX: Homart Pharmaceuticals Pty Ltd, xuất xứ Úc, mới 100% trị giá 117.210.122 đồng.

- Lời khai của bị cáo và các đối tượng liên quan:

+ Lê Thị Kiều N thừa nhận hành vi như đã nêu trên, lời khai của N phù hợp với kết quả điều tra;

+ Ông Lê Quang Q, Giám đốc Công ty O khai phù hợp với lời khai của Lê Thị Kiều N, ông Q giao toàn bộ việc thực hiện thủ tục nhập khẩu và liên hệ Công ty dịch vụ khai báo hải quan cho Lê Thị Kiều N. Đối với lô hàng theo tờ khai số 105954669550/A11 ngày 13/12/2023, ông Q yêu cầu N làm nhanh thủ tục và hứa sẽ thưởng thêm nếu thực hiện xong và chỉ thực hiện việc nộp thuế khi được N thông báo. Ông Q không biết Công ty O sẽ nhập khẩu 06 danh mục hàng hoá, mà chỉ biết là Công ty sẽ nhập khẩu 01 lô hàng;

+ Bà Nguyễn Thị Hoàng L, ông Phạm Vũ T2 - Nhân viên điện thông tin, mở tờ khai, ông Phạm Văn C2 - Nhân viên hiện trường của Công ty I khai phù hợp với lời khai của Lê Thị Kiều N.

Tại bản Cáo trạng số 698/CT-VKS-P3 ngày 04/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thị Kiều N về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 03/01/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều N: 06 (sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/01/2025 bị cáo Lê Thị Kiều N có đơn kháng cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt phù hợp hơn như phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều N 06 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” là đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc chuyển sang hình phạt tiền. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo:

Luật sư không tranh luận về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Luật sư chỉ nêu các vấn đề về nhân thân của bị cáo, mong Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét: Bị cáo phạm tội do sơ suất, nhiều việc, thời gian cận Tết, mong muốn hoàn thành công việc để được thưởng, có suy nghĩ là nếu khai sai thì khai lại, nên đã sơ suất khai thiếu một lô hàng, chứ bị cáo không có mục đích trục lợi hoặc xâm phạm lợi ích của Nhà nước. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự). Hoàn cảnh bị cáo khó khăn, bố mẹ bị cáo đã già, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo có công việc ổn định, có hợp đồng lao động, có xác nhận của Công an phường nơi bị cáo cư trú là bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt chính sách, pháp luật. Bị cáo cung cấp sổ tiết kiệm của bị cáo trị giá 50.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm khoan hồng, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được chuyển từ loại hình phạt “Tù có thời hạn” sang loại hình phạt “Phạt tiền”.

- *Bị cáo trình bày quan điểm tranh luận:*

Bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư.

- *Bị cáo nói lời sau cùng:*

Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm khoan hồng, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được chuyển từ loại hình phạt “Tù có thời hạn” sang loại hình phạt “Phạt tiền”, để bị cáo có cơ hội tiếp tục làm việc, để nuôi sống cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kiều N.

[1.1]. Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phiên tòa sơ thẩm và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

Ngày 14/12/2023, tại Cửa khẩu sân bay Quốc tế T3, Thành phố H mặc dù Lê Thị Kiều N biết rõ các quy định phải thực hiện thủ tục khai báo hàng hóa khi nhập cảnh vào Việt Nam nhưng vì mục đích cá nhân, N đã tự sửa chữa thông tin về hàng hóa để cung cấp cho bà Nguyễn Thị Hoàng L là nhân viên kinh doanh của Công ty I biết để làm thủ tục mở tờ khai và yêu cầu bà L thực hiện việc truyền dữ liệu, mở tờ khai gồm 5 danh mục hàng hóa, không khai báo với 01 danh mục là 21 thùng Inner Beauty C-In-1, Quy cách 180 viên/lọ, 21 lọ/thùng. Tổng giá trị hàng hóa mà Lê Thị Kiều N vận chuyển trái phép là 117.210.122 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị Kiều N phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[1.2]. Về hình phạt:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo, là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều N 06 tháng tù là đúng với khung, khoản của điều luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có cha mẹ già, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Tại “Đơn xin xác nhận” do bị cáo cung cấp có ý kiến xác nhận của Công an phường H, Thành phố Hồ Chí Minh về việc bị cáo tạm trú tại phường H từ ngày 03/01/2025 và không ghi nhận vi phạm gì tại địa phương; Bị cáo cung cấp hợp đồng lao động với Công ty TNHH G thời hạn là 01 năm từ ngày 02/01/2025 và số tiết kiệm 50.000.000 đồng đứng tên bị cáo tại Ngân hàng TNHH MTV S - Chi nhánh G1.

Xét thấy, khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự quy định hình phạt chính có thể là “Phạt tiền”, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt pháp luật ở địa phương nơi cư trú, công việc ổn định, tình hình tài chính đủ điều kiện để bảo đảm thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển từ loại hình phạt “Tù có thời hạn” sang loại hình phạt “Phạt tiền” đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[2]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không được chấp nhận.

[3]. Quan điểm của Luật sư và bị cáo được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo Lê Thị Kiều N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kiều N.

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều N: 50.000.000 (năm mươi) triệu đồng về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị Kiều N không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND phường Hiệp Bình Chánh;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hòa